**BẢNG SO SÁNH VÀ THUYẾT MINH**

**Các nội dung có sự thay đổi giữa dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh *(sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của HĐND tỉnh)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND *(được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của HĐND tỉnh)*** | **Nội dung dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022** | **Thuyết minh nội dung thay đổi** |
| **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh  Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. | **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh  Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. | Bỏ nội dung:mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng. Lý do: Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội khóa 15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã giao UBND tỉnh quy định. |
| - Điểm c, e, h khoản 1 Điều 3:  c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  e) Chi hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm: Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, phân tích thành phần định lượng của hàng hóa; chi phí thẩm định, điều kiện hành nghề, kinh doanh; chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá và công bố hợp chuẩn, hợp quy; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; thực hành nông nghiệp tốt; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng; hoàn thiện, cải tiến, ứng dụng, đổi mới công nghệ; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho các sản phẩm hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu.  h) Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất *(bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ)* được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. | - Điểm c, e, h khoản 1 Điều 3:  c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ.  e) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.  h) Chi xây dựng và quản lý dự án:  - Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Nghị quyết này hướng dẫn một số nội dung, mức chi cụ thể như sau:  + Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.  + Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án, mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định nội dung và mức chỉ thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo.  - Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn.  - Chi khác về quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (nếu có): Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình quyết định. | - Khoản 3 Điều 11, khoản 4 Điều 12 và Điều 57 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: *“Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ”.*  - Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:  *“… hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm…”.*  - Khoản 13, Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về một số nội dung và mức chi chung quy định chi phí xây dựng và quản lý dự án. |
| - Điểm c, đ, e khoản 2 Điều 3:  c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.  đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.  e) Xây dựng, quản lý dự án. | - Điểm c, đ, e khoản 2 Điều 3:  c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ.  đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.  e) Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều này. | - Khoản 3 Điều 11, khoản 4 Điều 12 và Điều 57 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: *“Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ”.*  - Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:  *“… hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm…”.*  - Khoản 13, Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về một số nội dung và mức chi chung quy định chi phí xây dựng và quản lý dự án. |
| - Điểm c, h khoản 3 Điều 3:  c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, bao bì, nhãn mác sản phẩm.  h) Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.”. | - Điểm c, h, i khoản 3 Điều 3:  c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ; bao bì sản phẩm.  h) Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.  i) Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm. | - Điểm c sửa đổi theo Khoản 3 Điều 11, khoản 4 Điều 12 và Điều 57 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: *“Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ”.* Đồng thời, giữ nguyên nội dung hỗ trợ bao bì sản phẩm theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.  - Điểm h sửa đổi theo Khoản 13, Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về một số nội dung và mức chi chung quy định chi phí xây dựng và quản lý dự án.  - Điểm i bổ sung mới theo Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:  *“… hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm…”.* |
| **Điều 3a.** Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị  Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng trên 01 dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. | **Điều 4.** Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị  Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng trên 01 dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. | Giữ nguyên nội dung mức hỗ trợ, chỉ thay tên điều do nghị quyết thay thế bỏ Điều 4. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND. |
| **Điều 5. Nội dung hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng**  1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.  a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:  - Chi xây dựng và quản lý dự án:  + Chi nghiên cứu, lập dự án và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; xây dựng dự án nhân rộng và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án đã được thử nghiệm thành công;  + Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện dự án, lựa chọn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ khác có nhu cầu và điều kiện để tham gia dự án;  + Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm;  + Chi các nội dung khác về quản lý dự án *(nếu có)* theo thực tế phát sinh.  - Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất từng dự án:  + Tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.  + Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;  - Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.  - Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.  b) Đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ:  Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.  2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.  a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.  b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.  c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.  d) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.  đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.  e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.  g) Xây dựng, quản lý dự án. | **Điều 5. Nội dung hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế của cộng đồng**  1. Chi tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm đối với hỗ trợ sản xuất cộng đồng.  2. Chi chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trong phạm vi mức hỗ trợ của dự án và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.  3. Chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:  a) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả:  - Chế độ công tác phí cho cán bộ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn;  - Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định): Tối đa 50.000 đồng/người/buổi thực địa;  b) Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao:  - Chi công tác phí cho cán bộ, thuê xe, tiền ăn, tiền thuê phòng ngủ (nếu có): Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn;  - Chi tiền công cho báo cáo viên: Mức chi quy định tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Kạn;  4. Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ: Nội dung và mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đã được phê duyệt.  5. Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Quy định này.  6. Chi hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm  Nguồn kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, đề án có liên quan. Mức hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành về dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm. | Sửa đổi theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính |
| **Điều 7.** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ  1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6 của Quy định này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.  2. Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành chủ quản chương trình, thông tư của Bộ Tài chính.  3. Lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư có khả năng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt./. |  | Điểm đ, khoản 22, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung Điều 40 không giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định nội dung hỗ trợ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ. Vì vậy, Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND bỏ hướng dẫn nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ. |